

Số: 87 /TTr-SNN

Bắc Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc Quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh năm 2016, trong đó giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật Quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang thay thế Quyết định số 261/2012/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 và Quyết định số 767/2014/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang trình HĐND tỉnh ban hành với nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành Quy định

Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định tại Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh Bắc Giang. Quá trình thực hiện Nghị quyết đã được 4 năm, trong thời gian qua Nhà nước đã ban hành một số Luật, Nghị định mới và trong quá trình thực tế triển khai đã phát sinh một số vướng mắc, bất cập.

Như vậy, việc ban hành lại Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang là cần thiết và phù hợp với thực tế phát sinh.

II. Căn cứ ban hành Quy định

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã Dự thảo Nghị quyết căn cứ vào các văn bản QPPL sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Căn cứ Thông báo kết luận phiên họp UBND tỉnh số 250/TB-UBND ngày 25/7/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang.

III. Quá trình xây dựng Dự thảo Quy định

UBND tỉnh phân công trách nhiệm chủ trì soạn thảo cho Sở Nông nghiệp và PTNT. Thực hiện nhiệm vụ được giao, căn cứ vào các văn bản pháp luật và tình hình thực tế địa phương, Sở Nông nghiệp và PTNT đã Dự thảo Quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang và tổ chức Hội nghị lấy ý kiến tham gia, đóng góp của các cơ quan gồm: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố, Văn phòng UBND tỉnh. Sau khi tiếp thu các ý kiến tham gia đóng góp và hoàn chỉnh dự thảo, đồng thời xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã dự thảo Quy định mức hỗ trợ đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Bắc Giang trình UBND tỉnh. UBND tỉnh đã thông qua tại phiên họp UBND tỉnh ngày 20/7/2016.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Dự thảo Quy định

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 3 chương, 17 Điều.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình:

a) Đối với các dự án, công trình có các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư:

Vốn đầu tư của Nhà nước (bao gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn Trái phiếu Chính phủ, vốn Trái phiếu chính quyền địa phương, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài) chỉ hỗ trợ đầu tư xây dựng đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất hoặc dự án thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, không hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án do tổ chức, cá nhân tự đề xuất. Mức hỗ trợ theo dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Không hỗ trợ đối với vùng thị trấn;

Hỗ trợ 50% đối với các xã thuộc các huyện, thành phố: Hiệp Hòa, Việt Yên, Tân Yên, Lạng Giang, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang và các xã không phải là xã miền núi thuộc các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế;

Hỗ trợ 85% đối với các xã miền núi thuộc các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng có tỷ lệ trên 50% dân tộc thiểu số.

Phần vốn còn lại do các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư đóng góp và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác; hộ sử dụng nước tự bỏ tiền đầu nối đường ống từ đồng hồ đo nước vào đến nơi sử dụng.

b) Đối với các dự án, công trình do Nhà nước trực tiếp đầu tư:

Các dự án, công trình do Nhà nước trực tiếp đầu tư thì vốn đầu tư của Nhà nước hỗ trợ 100% theo dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hộ sử dụng nước tự bỏ tiền đầu nối đường ống từ đồng hồ đo nước vào đến nơi sử dụng.

c) Phương pháp tính mức hỗ trợ đối với dự án, công trình liên xã, thị trấn có các mức hỗ trợ khác nhau từ nguồn vốn đầu tư của Nhà nước:

Đối với công trình đầu mối (công trình thu, tuyến ống nước thô, cụm công trình xử lý nước...): Phân bổ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị của công trình đầu mối cho từng xã, thị trấn theo tỷ lệ công suất cấp nước của xã, thị trấn đó trên tổng công suất cấp nước của công trình; mức hỗ trợ bằng tiền của từng xã, thị trấn bằng (=) chi phí xây dựng và chi phí thiết bị của công trình đầu mối phân bổ cho xã, thị trấn nhân (x) với tỷ lệ % mức hỗ trợ theo quy định; mức hỗ trợ bằng tiền của cả công trình bằng (=) tổng mức hỗ trợ bằng tiền của tất cả các xã, thị trấn.

Đối với mạng lưới đường ống cung cấp nước: Thuộc địa bàn xã, thị trấn nào thì áp dụng theo tỷ lệ % mức hỗ trợ của xã, thị trấn đó.

Chi khác của dự án: Phương pháp tính tương tự như đối với công trình đầu mối.

2.2. Hỗ trợ tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư: Vốn đầu tư của Nhà nước hỗ trợ 100 % kinh phí tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư công trình đầu mối và do Ngân sách cấp huyện chịu trách nhiệm hỗ trợ.

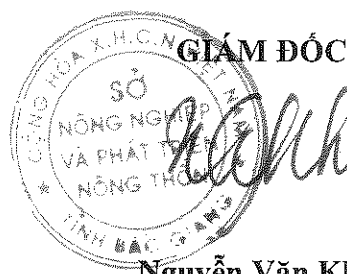
2.3. Hỗ trợ bù giá nước sinh hoạt nông thôn:

Trường hợp giá bán nước sinh hoạt nông thôn do cấp có thẩm quyền quyết định thấp hơn giá thành được tính đúng, tính đủ theo quy định thì hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí cấp bù bằng nguồn Ngân sách của địa phương để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Hồng Kỳ;
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Khái

